

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/DS -ST

Ngày: 16/4/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồ

Ông Trần Hữu Tân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số: 308/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 453/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần SG

Trụ sở tại: Phường M, Quận N, Thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Tấn Hoàng V – Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần SG.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn N – Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – Chi nhánh TĐ (theo văn bản ủy quyền số 528/UQ-TGD 13 ngày 10/12/2013).

Ông Nguyễn Tấn N ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1982 – Trưởng phòng Hỗ trợ Kinh doanh Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – Chi nhánh TĐ tham gia tố tụng.

Bị đơn:

1/ Ông **Đoàn Văn C**, sinh năm 1983

2/ Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1983

Cùng trú tại: Phường PK, thành phố BT, tỉnh BT.

(*Ông D có mặt; ông C và bà P vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa:

Theo ông Nguyễn Văn D được nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần SG ủy quyền trình bày:

Ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần SG – Chi nhánh TĐ có ký hợp đồng tín dụng trung dài hạn sau đây:

Hợp đồng tín dụng số 666/HĐTDTDH/SCB-CNTĐ.15 ngày 18/9/2015 để vay số tiền 260.000.000 đồng, lãi suất vay được áp dụng theo thông báo của Ngân hàng thương mại cổ phần SG tại thời điểm giải ngân và được ghi trong bảng kê rút vốn kiêm khế ước nhận nợ lãi 11,7%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô tải, có mui, biển số kiểm soát 71C-036.72 cho C ty TNHH TM ô tô AP theo hợp đồng mua bán số 236/HĐMB/2015/AP ngày 26/8/2015.

Hợp đồng tín dụng số 184/HĐTDTDH/SCB-CNTĐ.16 ngày 17/3/2016 để vay số tiền 189.000.000 đồng, lãi suất vay được áp dụng theo thông báo của Ngân hàng thương mại cổ phần SG tại thời điểm giải ngân và được ghi trong bảng kê rút vốn kiêm khế ước nhận nợ lãi 12,7%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô tải có mui, biển số kiểm soát 71C-043.61 cho C ty TNHH TM ô tô AP theo hợp đồng mua bán số 1502409/HĐMB/2016/AP ngày 22/02/2016.

Để đảm bảo cho các khoản vay của hợp đồng tín dụng số 666/HĐTDTDH/SCB-CNTĐ.15 ngày 18/9/2015 thì ông C, bà P đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần SG – Chi nhánh TĐ hợp đồng thế chấp số 679/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.15 ngày 25/9/2015, tài sản thế chấp là xe ô tô tải có mui, biển kiểm soát 71C-036.72, giấy chứng nhận đăng ký xe số 002760 cấp ngày 17/9/2015 do bà Nguyễn Thị P đứng tên và giấy chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo số 1192410082

Để đảm bảo cho các khoản của hợp đồng tín dụng số 184/HĐTDTDH/SCB-CNTĐ.16 ngày 17/3/2016 thì ông C, bà P đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần SG – Chi nhánh TĐ hợp đồng thế chấp số 200/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.16 ngày 24/3/2016, tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, biển kiểm soát 71C-043.61, giấy chứng nhận đăng ký xe số 004031 cấp ngày 17/3/2016 do bà Nguyễn Thị P đứng tên và giấy chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo số 1207927191

Ông C, bà P và Ngân hàng thương mại cổ phần SG – Chi nhánh TĐ tiếp tục ký phụ lục hợp đồng số PL1-184/HĐTDTDH/SCB-CNTĐ.16 ngày 21/3/2016 để sửa đổi bổ sung một số nội dung của hợp đồng tín dụng số 184/HĐTDTDH/SCB-CNTĐ.16.

Ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến ngày 12/7/2017 thì ông C, bà P còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần SG tổng cộng là 268.971.356 đồng, trong đó nợ gốc là 240.325.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.797.012 đồng, phạt gốc quá hạn là 2.041.320 đồng, phạt chậm trả lãi là 4.808.024 đồng.

Ngày 13/7/2017 Ngân hàng thương mại cổ phần SG khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P phải trả toàn bộ số nợ vay tạm tính đến hết ngày

12/7/2017 là 268.971.356 đồng, trong đó nợ gốc là 240.325.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.797.012 đồng, Phạt gốc quá hạn là 2.041.320 đồng, phạt chậm trả lãi là 4.808.024 đồng; phần nợ lãi phát sinh từ ngày 13/7/2017 đến ngày ông C, bà P trả tất nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần SG theo mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký; Yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nếu ông C, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa Ngân hàng thương mại cổ phần SG khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P như sau:

- Phải trả toàn bộ số nợ vay tạm tính đến hết ngày 16/4/2018 (*ngày xét xử sơ thẩm*) là 283.070.113 đồng, trong đó nợ gốc là 219.865.741 đồng, nợ lãi trong hạn là 31.991.499 đồng, nợ lãi quá hạn là 25.463.046 đồng, phạt chậm trả lãi là 5.749.807 đồng;

- Tính lãi phát sinh từ ngày 17/7/2018 (*sau ngày xét xử sơ thẩm*) đến ngày ông C, bà P trả xong nợ theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký;

- Yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nếu ông C, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Theo bị đơn ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P trình bày:

Ông C, bà P vắng mặt không tham gia tố tụng nên không có lời trình bày trong bản tự khai, biên bản hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, phụ lục hợp đồng tín dụng được tất cả các bên ký kết một cách tự nguyện, hợp pháp và phù hợp với Luật Ngân hàng và Luật các tổ chức tín dụng nên C nhận. Cả hai bên tham gia ký kết hợp đồng đều nhằm mục đích lợi nhuận nhưng chỉ có một bên có giấy phép kinh doanh nên thuộc loại án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại Điều 26, điểm 4 khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ bằng hình thức tổng đạt trực tiếp giấy triệu tập cho bị đơn ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P nhưng ông C, bà P vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C, bà P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần SG vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P phải trả toàn bộ số nợ vay tạm tính đến hết ngày 16/4/2018 (*ngày xét xử sơ thẩm*) là 283.070.113 đồng, trong đó nợ gốc là 219.865.741 đồng, nợ lãi trong hạn là 31.991.499 đồng, nợ lãi quá hạn là 25.463.046 đồng, phạt chậm trả lãi là 5.749.807 đồng theo các hợp đồng tín dụng số 666/HĐTDTDH/SCB-CNTĐ.15 ngày 18/9/2015 và hợp đồng tín dụng số 184/HĐTDTDH/SCB-CNTĐ.16 ngày 17/3/2016.

Và Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/4/2018) đến ngày ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần SG.

Đồng thời Ngân hàng thương mại cổ phần SG yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 679/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.15 ngày 25/9/2015, tài sản thế chấp là xe ô tô tải, biển kiểm soát 71C-036.72, giấy chứng nhận đăng ký xe số 002760 cấp ngày 17/9/2015 do bà Nguyễn Thị P đứng tên và hợp đồng thế chấp số 200/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.16 ngày 24/3/2016, tài sản thế chấp là xe ô tô tải, biển kiểm soát 71C-043.61, giấy chứng nhận đăng ký xe số 004031 cấp ngày 17/3/2016 do bà Nguyễn Thị P đứng tên và phụ lục hợp đồng số PL1-184/HĐTDTH/SCB-CNTĐ.16 ngày 21/3/2016 để sửa đổi bổ sung một số nội dung của hợp đồng tín dụng số 184 để thu hồi nợ nếu ông C, bà P không trả được nợ.

Ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất và cũng không cung cấp được bất kỳ giấy tờ tài liệu nào chứng minh về số nợ vay mà Ngân hàng khởi kiện nhưng ông C, bà P đã ký tên vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, phụ lục hợp đồng. Các giấy tờ này đều có C chứng chứng thực tại văn phòng C chứng; bản kê rút vốn kiêm khế ước nhận nợ có chữ ký của ông C, bà P. Ông C, bà P cũng đã trả được một phần tiền vốn và lãi cho Ngân hàng và còn nợ lại Ngân hàng tạm tính đến hết ngày 16/4/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 283.070.113 đồng, trong đó nợ gốc là 219.865.741 đồng, nợ lãi trong hạn là 31.991.499 đồng, nợ lãi quá hạn là 25.463.046 đồng, phạt chậm trả lãi là 5.749.807 đồng. Nhưng ông C, bà P không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm quy định của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký nên Ngân hàng thương mại cổ phần SG khởi kiện yêu cầu ông C, bà P phải trả số tiền còn nợ Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn. Tuy nhiên, đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 5.749.807 đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần SG thì không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng.

Ngoài ra Ngân hàng thương mại cổ phần SG còn yêu cầu tiếp tục tính lãi của số tiền 283.070.113 đồng theo các hợp đồng tín dụng đã ký sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (là ngày 17/4/2018) cho đến khi ông C, bà P trả hết nợ. Nhận thấy yêu cầu này là có căn cứ nên chấp nhận nhưng chỉ được tính lãi trên số tiền nợ gốc là 219.865.741 đồng.

Đồng thời Ngân hàng thương mại cổ phần SG yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 679/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.15 ngày 25/9/2015 và hợp đồng thế chấp số 200/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.16 ngày 24/3/2016 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông C, bà P phải chịu án phí cho phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận là $277.320.286 \text{ đồng} \times 5\% = 13.866.014 \text{ đồng}$.

Ngân hàng phải chịu án phí cho phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 5.749.807 đồng là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SG (theo văn bản ủy quyền số: 528/UQ-TGD ngày 10/12/2013 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần SG cho ông Nguyễn Tấn N – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần SG – Chi nhánh TĐ) đối với ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P.

Buộc ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SG (do Chi nhánh TĐ nhận) số tiền là 277.320.286 (hai trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi ngàn, hai trăm tám mươi sáu) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 219.865.741 (hai trăm mười chín triệu, tám trăm sáu mươi lăm ngàn, bảy trăm bốn mươi một) đồng, nợ lãi trong hạn là 31.991.499 (ba mươi một triệu, chín trăm chín mươi một ngàn, bốn trăm chín mươi chín) đồng, nợ lãi quá hạn là 25.463.046 (hai mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi ba ngàn, không trăm bốn mươi sáu) đồng.

Số tiền phải trả kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/4/2018) sẽ được tính lãi quá hạn trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 666/HĐTDTDH/SCB-CNTĐ.15 ngày 18/9/2015, hợp đồng tín dụng số 184/HĐTDTDH/SCB-CNTĐ.16 ngày 17/3/2016 và phụ lục hợp đồng số PL1-184/HĐTDTDH/SCB-CNTĐ.16 ngày 21/3/2016 mà hai bên đã ký kết cho đến khi ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P trả xong nợ.

Nếu ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần SG (do Chi nhánh TĐ yêu cầu) được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp số 679/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.15 ngày 25/9/2015 và hợp đồng thế chấp số 200/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.16 ngày 24/3/2016 để thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm liên đới nộp án phí là 13.866.014 (mười ba triệu, tám trăm sáu mươi sáu ngàn, không trăm mười bốn) đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần SG phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng (do Chi nhánh TĐ nộp) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 6.728.000 đồng theo biên lai thu số 0013203 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự

thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SG (do Chi nhánh TĐ nhận) số tiền tạm ứng án phí còn lại là 6.425.000 (sáu triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng thương mại cổ phần SG có quyền kháng cáo. Ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận: - VKSND TP Bến Tre; - TAND tỉnh Bến Tre; - Chi cục THADS TP Bến Tre; - Các đương sự; - Lưu hồ sơ.	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM Thẩm Phán – Chủ Tòa Phiên Tòa Nguyễn Thị Thanh Thảo
---	--